

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 31-5-2022
V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoài Tâm

Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 205/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp P, xã Ph, huyện Ph, tỉnh L. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Mỹ Q**, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 14, khu vực B1, phường L, quận B, thành phố C. Vắng mặt.

- *Người có quyền và lợi ích cần được bảo vệ:* Cháu **Phạm T**, sinh ngày 03/10/2012 và cháu **Phạm H1**, sinh ngày 29/6/2015 hiện sống cùng nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày, yêu cầu:

Vào năm 2017 bà và ông Phạm Mỹ Q tự nguyện tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Ph, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 20/11/2017. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời

gian gần đây, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Bà H nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên nộp đơn yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung bà H trình bày: Giữa bà và ông Phạm Mỹ Q có hai con chung tên Phạm T, sinh ngày 03/10/2012 và cháu Phạm H1 sinh ngày 29/6/2015. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Mỹ Q vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Người có Q và lợi ích cần được bảo vệ: Cháu Phạm T và cháu Phạm H1 có văn bản nêu ý kiến ngày 05/5/2022, khi cha mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Xác định đúng quan hệ pháp luật và thẩm Q giải quyết. Về nội dung: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở để xem xét, vì hai người đã không có điều kiện để chung sống.

Về con chung: Hai người có hai con chung tên Phạm T, sinh ngày 03/10/2012 và cháu Phạm H1 sinh ngày 29/6/2015. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Phạm Mỹ Q cấp dưỡng. Hai con chung có văn bản nêu nguyện vọng được ở với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà H.

Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Giải quyết thành vụ kiện khác khi có đủ cơ sở chứng minh.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Phạm Mỹ Q có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay bà Trần Thị H yêu cầu ly hôn và dành Q nuôi con, nên quan hệ pháp luật của vụ án “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con*”; ông Phạm Mỹ Q đang cư trú tại phường L, quận Bình Thủy nên thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần nhưng không đến do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: Cả 02 đương sự đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Ph, tỉnh L cấp

giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 20/11/2017, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn thì giữa 02 vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn sự yêu thương, chia sẻ, chăm sóc nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Phạm Mỹ Q đã được toà án triệu tập nhiều lần để hàn gắn lại quan hệ vợ chồng với bà Trần Thị H nhưng ông vẫn không đến. Điều đó chứng tỏ ông Q cũng không có thành ý hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà Trần Thị H. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin bà Trần Thị H.

[3] Về con chung: Giữa bà H, ông Q có hai con chung tên Phạm T, sinh ngày 03/10/2012 và Phạm H1, sinh ngày 29/6/2015. Bà H yêu cầu khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng hai chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng. Hai cháu Phạm T và cháu Phạm H1 có văn bản nêu ý kiến mong muốn được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn xét thấy yêu cầu của bà H là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí: Nguyên đơn, phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H. Xử cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phạm Mỹ Q.

2. Con chung: Giao hai con chung tên Phạm T, sinh ngày 03/10/2012 và Phạm H1, sinh ngày 29/6/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q không phải cấp dưỡng cho con chung.

Dành Q thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho ông Phạm Mỹ Q mà không ai được Q cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002301 ngày 16/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố C thành án phí. Nguyên đơn đã nộp xong.

5. Q kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được Q kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. B;
- TAND TPCT;
- UBND xã Ph;
- H Ph, tỉnh L;
- Chi cục THADS Q. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Quyên